

Bản án số: **291** /2022/HSST

Ngày: 28/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **N.B.H**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông B.L.H

Bà H.T.X.H

Thư ký phiên tòa: Bà N.H.N - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Đống Đa tham gia phiên tòa:
Ông **T.H.C** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 274/2022/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **T.T.H**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1988; Nơi ĐK HKTT và nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng viên: Không; Con ông: T.Đ.S; Con bà: N.T.S; Chồng: N.V.Đ (đã ly hôn); Con: Có 03 con (con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2019). Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 344 do Công an Quận Đống Đa lập ngày 14/06/2022; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 160/LC-CSĐT – CSKT ngày 26/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đống Đa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh P.Đ.Đ, sinh năm 1987, Trú tại: Xã X, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Tài Chính Cổ phần X.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T.V.H (sinh năm: 1980, Trú tại: số X, ngách Y, ngõ Z, đường N, phường Q, Thị Trấn V, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội) (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 2 năm 2019, anh P.Đ.Đ (sinh năm 1987; trú tại: Xã X, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - là bạn anh K) có nhu cầu vay vốn để sử dụng vào việc cá nhân nên anh Đ.X.K (Sinh năm 1991; Trú tại: Xã X, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định - là bạn của H) đã giới thiệu anh Đ với T.T.H (làm nghề môi giới, giới thiệu làm hồ sơ vay tiền) để H giúp anh Đ làm thủ tục vay vốn. H đã gặp anh Đ để lấy thông tin cá nhân và cho anh Đ ký các thủ tục tại hồ sơ vay vốn rồi gửi hồ sơ của anh Đ cho anh L.M.Đ (sinh năm 1990; Trú tại: Số X ngõ Y, phường Z, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội - là bạn quen biết H) làm nhân viên tư vấn tài chính của công ty tài chính cổ phần X “Viet Credit” địa chỉ: Tòa nhà X số Y phố Z, phường N, Đống Đa, Hà Nội làm thủ tục vay vốn. Để hồ sơ đủ điều kiện vay vốn H đã nhờ đơn vị khác hỗ trợ (đơn vị chuyên hỗ trợ cung cấp các thông tin nghề nghiệp để hỗ trợ khách hàng làm hồ sơ và hỗ trợ khách hàng nghe thăm định khi có yêu cầu) tạo ra các thông tin (gồm: tên đơn vị công tác: Công ty cổ phần xây dựng X; địa chỉ: số X phố Y, phường Z, Hai Bà Trưng, Hà Nội; số điện thoại nơi công tác; số điện thoại người thân để liên hệ; riêng số điện thoại để liên lạc với người vay vốn là anh Đ thì H ghi số điện thoại: 0585660xxx (đây là số điện thoại mà H nhờ anh K cung cấp cho H trong quá trình làm hồ sơ) và số điện thoại này H đã gửi cho đơn vị hỗ trợ do H thuê với giá 1.500.000đồng. Sau đó, hồ sơ vay vốn của anh Đ được duyệt hạn mức và Thẻ vay vốn sau khi được phát hành đã liên hệ với số điện thoại 0585660xxx để giao thẻ vay vốn thì bên hỗ trợ có liên lạc với H để nhận thẻ. Sau khi nhận được thẻ vay vốn của anh P.Đ.Đ tại trước khu vực tòa nhà X số Y phố Z, phường N, Đống Đa, Hà Nội, H nhờ đơn vị hỗ trợ kích hoạt thẻ (vì số điện thoại kích hoạt 0585660xxx là do bên đơn vị hỗ trợ H đang giữ), đơn vị hỗ trợ H gửi cho H mật khẩu thẻ của Đ là “1234”. H đã sử dụng thẻ và mật khẩu để ra cây ATM tại khu vực phố X, Đống Đa, Hà Nội để rút tiền (H không nhớ địa chỉ cụ thể) và tiếp theo H thực hiện rút tiền nhiều lần ở các cây ATM khác nhau trong khoảng thời gian từ đầu tháng 03/2019 đến trước ngày 23/3/2019 với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Sau khi rút hết tiền trong thẻ thì H đã nhờ anh K trả lại thẻ trên cho anh Đ, anh Đ phát hiện thẻ bị rút hết tiền đã gặp H thì H thừa nhận chiếm đoạt số tiền trên và hứa sẽ khắc phục cho anh Đ. Sau đó, H không khắc phục được tài sản nên anh Đ đã trình báo cơ quan Công an.

Tại cơ quan điều tra, T.T.H khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, H khai L.M.Đ và Đ.X.K không liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Đ. Hiện H đã khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho anh Đ.

Tại cơ quan điều tra, anh P.Đ.Đ trình bày: Hiện anh Đ đã nhận đủ số tiền do T.T.H khắc phục hậu quả nên không có yêu cầu đề nghị gì. Anh Đ đã tự giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an quận Đống Đa 01 thẻ rút tiền “Viet Credit” tên P.Đ.Đ

Quá trình điều tra, ông T.V.H - Trưởng bộ phận điều tra Công ty X/ đại diện Công ty Tài chính Cổ phần Y “Viet Credit” trình bày: Hiện hồ sơ vay vốn P.Đ.Đ đã nộp trả công ty tiền gốc; Đối với số tiền lãi Công ty yêu cầu anh P.Đ.Đ phải có trách nhiệm trả cho công ty.

Đối với L.M.Đ là nhân viên công ty Công ty X do quá trình làm hồ sơ vay vốn có vi phạm hành chính nên công ty đã cho nghỉ việc, xét hành vi của Đ không liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của T.T.H nên không đề cập xử lý. Đối với Đ.X.K xét không liên quan đến vụ án nên không có căn cứ để xử lý. Đối với bên hỗ trợ H thuê để nghe điện thoại thẩm định từ công ty cho vay vốn và có nhiệm vụ nhận thẻ vay vốn của anh P.Đ.Đ để đưa cho H sử dụng do không xác định được nhân thân, địa chỉ nên không có căn cứ làm rõ để xử lý.

Tại phiên tòa, Công ty Tài Chính Cổ phần X do ông T.V.H - Đại diện theo ủy quyền của yêu cầu anh P.Đ.Đ phải thanh toán trả cho Công ty khoản tiền phí, lãi của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; Mã hồ sơ số APPL 00042xxx tính từ ngày 06/3/2019 đến ngày 28/9/2022, số tiền là: 25.892.350 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng). Tuy nhiên, Công ty sẽ khởi kiện anh P.Đ.Đ trong vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và khi Công ty có yêu cầu. Công ty đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm khắc bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh P.Đ.Đ yêu cầu T.T.H phải bồi thường số tiền 25.892.350 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng) cho anh Đ. Đây là khoản tiền phí, lãi của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ vay ngày 18/02/2019; Mã hồ sơ số APPL 00042xx đã ký giữa Công ty Tài Chính Cổ phần X và anh P.Đ.Đ, phát sinh từ số tiền bị cáo H chiếm đoạt khi tiến hành rút tiền từ tài khoản trong thẻ tín dụng trên của anh Đ. Anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm khắc bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, T.T.H khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và xác nhận sẽ có trách nhiệm trả cho anh P.Đ.Đ số tiền 25.892.350 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng) nhưng vì hiện nay H chưa có việc làm, chưa có thu nhập, lại đang nuôi 03 con nhỏ nên không có tiền trả cho anh P.Đ.Đ số tiền trên.

Cáo trạng số 276/CT-VKSĐĐ ngày 12/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đã truy tố T.T.H về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên, sau khi phân tích hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ Luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự, Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt: T.T.H mức án tù 2 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường dân sự: Chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của anh Đ; Buộc bị cáo T.T.H phải bồi thường cho anh Đ số tiền 25.892.350 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đống Đa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo và hình phạt áp dụng:

Xét thấy, Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 02/2019, T.T.H làm hồ sơ vay vốn số tiền là 90.000.000 đồng hộ cho anh P.Đ.Đ tại Công ty Tài chính Cổ phần X gồm: Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ vay ngày 18/02/2019; Mã hồ sơ số APPL 000421xx đã ký giữa Công ty Tài Chính Cổ phần X và anh P.Đ.Đ. Sau khi hồ sơ được duyệt vay, H đã dùng thủ đoạn gian dối thuê bên hỗ trợ để H nhận thẻ vay vốn của anh P.Đ.Đ với mục đích chiếm đoạt số tiền trong thẻ tín dụng của anh Đ. Sau khi nhận được thẻ tín dụng, H đã có 37 lần sử dụng thẻ cùng mật khẩu để rút tiền trong tài khoản mà Công ty Tài Chính Cổ phần X đã giải ngân cho anh Đ tại các cây ATM trên địa bàn quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội và các địa bàn khác (ngày rút tiền đầu tiên là ngày 06/3/2019 cho đến ngày rút tiền cuối cùng là ngày 22/3/2019. T.T.H đã chiếm đoạt tổng số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) của anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án, tổng số tiền H đã chuyển trả

anh Đ nhiều đợt tại nhiều thời điểm khác nhau là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), lần trả đầu tiên là ngày 12/3/2019 và lần trả cuối cùng là ngày 06/5/2022. Anh Đ đã thanh toán trả cho Công ty Tài Chính Cổ phần X số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Đến nay, T.T.H chưa khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội mà H đã gây ra cho anh Đ. Anh Đ yêu cầu T.T.H phải bồi thường số tiền 25.892.350 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng) cho anh Đ. Đây là khoản tiền phí, lãi của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ vay ngày 18/02/2019; Mã hồ sơ số APPL 000421xx đã ký giữa Công ty Tài Chính Cổ phần X và anh P.Đ.Đ, phát sinh từ số tiền bị cáo H chiếm đoạt khi tiến hành rút tiền từ tài khoản trong thẻ tín dụng trên của anh Đ. Anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm khắc bị cáo theo quy định của pháp luật.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội ***“Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”*** theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo T.T.H về tội danh, điều luật trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì tham lam tư lợi mà bị cáo đã xâm hại đến khách thể được luật Hình sự bảo vệ. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố và xét xử là cần thiết, để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Do vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tuy nhiên, khi lượng hình HĐXX cũng xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Trên đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về bồi thường dân sự:

Chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của anh P.Đ.Đ; Buộc bị cáo T.T.H phải bồi thường cho anh Đ số tiền 25.892.350 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Tài Chính Cổ phần X do ông T.V. là Người đại diện theo ủy quyền không có yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo nên không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **T.T.H** phạm tội: ***“Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”***.

- Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ: Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.
- Căn cứ: Điều 357, 360, 584 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ: Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án Dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử phạt: Bị cáo **T.T.H** **24 (Hai mươi tư)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bị cáo **T.T.H** phải bồi thường cho anh **P.Đ.Đ** số tiền **25.892.350 đồng** (Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng) là khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh **Đ**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và **1.295.000 đồng** (Một triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và người bị hại (có mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo đối với phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND Quận Đống Đa;
- Công an Quận Đống Đa;
- Chi cục THADS Quận Đống Đa;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

N.B.H